

Vietnam Daily Review

Sau cú ngã đầu ngày, thị trường hồi lại khá tốt

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 21/2/2022		•	
Tuần 21/2-25/2/2022		•	
Tháng 2/2022		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Sáng nay, mới bước chân ra khỏi cửa nhà, VN-Index đã ngã lộn nhào mất 15 điểm. Tuy nhiên khác với buổi sáng đầu tuần, hôm nay chỉ số mạnh mẽ đứng dậy từ chỗ vấp ngã, hùng dũng lấy lại 12 điểm bất chấp nhiều lần bị lực bán chặn đường. Kết phiên, chỉ số giảm 3 điểm so với hôm trước cùng thanh khoản cải thiện. Thị trường nghiêng về phía tích cực với 12/19 mã tăng điểm. Những ngành giao dịch tốt trong phiên hôm nay bao gồm Bất động sản, Thép, Chứng khoán,...trong khi Ngân hàng, Dầu khí lại chịu áp lực bán khá lớn. Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên sàn HSX và bán ròng trên sàn HNX. Thị trường đang trong giai đoạn tích lũy quanh vùng ±15 điểm quanh mốc 1490, và diễn biến này có thể tiếp tục trong vài phiên tới.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30 trừ VN30F2209. Các nhà đầu tư có thể xem xét bán HĐ ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 18/02/2022, phần lớn các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

Phân tích kỹ thuật: G36_Tín hiệu tích cực (Trang 2)

Điểm nhấn:

- VN-Index - 3.15 điểm, đóng cửa 1504.84 điểm. HNX-Index +5.37 điểm, đóng cửa 435.61 điểm.
- Kéo chỉ số tăng: VJC (+1.07), DIG (0.78), HPG (+0.62), HVN (+0.29), DHG (+0.25).
- Kéo chỉ số giảm: BID (-1.62), VHM (-1.20), VIC (-0.86), GAS (-0.81), TCB (-0.52).
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt 18,340 tỷ đồng, tăng 3.5% so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức 19,463 tỷ đồng.
- Biên độ dao động là 15.5 điểm. Thị trường có 278 mã tăng, 65 mã tham chiếu và 151 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: 99,86 tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm KBC (48.221 tỷ), MSN (42.752 tỷ), DXG (34.85 tỷ). Khối ngoại bán ròng trên sàn HNX với giá trị -48,96 tỷ đồng.

Trưởng phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung
trunglq@bsc.com.vn

Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn

VN-INDEX 1504.84
Giá trị: 21104.72 tỷ -3.15 (-0.21%)
Khối ngoại (ròng): 99.86 tỷ

HNX-INDEX 435.61
Giá trị: 2334.31 tỷ 5.37 (1.25%)
Khối ngoại (ròng): -48.96 tỷ

UPCOM-INDEX 112.72
Giá trị: 1397 tỷ 0.3 (0.27%)
Khối ngoại(ròng): 11.82 tỷ

Thông số vĩ mô		
	Giá trị	%
Giá dầu	90.2	-1.73%
Giá vàng	1,894	-0.23%
Tỷ giá USD/VND	22,828	0.25%
Tỷ giá EUR/VND	25,959	0.32%
Tỷ giá JPY/VND	19,820	0.34%
LS liên NH 1 tháng	2.7%	13.31%
LS TPCP 5 năm	1.1%	-15.38%
Nguồn: Bloomberg, BSC Research		

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)			
Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
KBC	48.2	SSI	-58.7
MSN	42.8	NVL	-35.2
DXG	34.9	VND	-23.4
GMD	34.4	HPG	-23.1
PNJ	28.2	VRE	-20.1
Nguồn: BSC Research			

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 2
Khuyến nghị ngắn hạn	Trang 3
Thị trường phái sinh	Trang 4
Danh mục cổ phiếu hàng đầu	Trang 5
Thống kê thị trường	Trang 6
Khuyến nghị dài hạn	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
Khuyến cáo sử dụng	Trang 9

Phân tích kỹ thuật

G36_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ dương, MACD cắt lên đường tín hiệu
- Chỉ báo RSI: vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: G36 đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi tích lũy ngắn hạn quanh ngưỡng 17.5. Thanh khoản cổ phiếu nằm trên ngưỡng trung bình 20 phiên, đồng thuận với đà tăng giá của cổ phiếu. Chỉ báo MACD và chỉ báo RSI đều ủng hộ xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu đã vượt lên đường MA20 và đang tiến tới MA50, cho thấy xu hướng tăng giá đang dần hình thành. Nhà đầu tư có thể mở vị thế tại ngưỡng 19.8, chốt lãi tại ngưỡng 25.2 và cắt lỗ nếu cổ phiếu giảm xuống dưới ngưỡng hỗ trợ 17.0.



Nguồn: BSC, PTKT Itrade

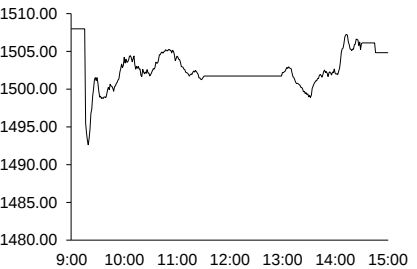
Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Y tế	3.50%
Du lịch và Giải trí	3.33%
Ô tô và phụ tùng	1.99%
Dịch vụ tài chính	1.68%
Xây dựng và Vật liệu	1.51%
Tài nguyên Cơ bản	1.10%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.87%
Bảo hiểm	0.41%
Bán lẻ	0.34%
Truyền thông	0.26%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.13%
Viễn thông	0.00%
Thực phẩm và đồ uống	-0.03%
Hóa chất	-0.14%
Bất động sản	-0.24%
Công nghệ Thông tin	-0.30%
Dầu khí	-0.43%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-0.63%
Ngân hàng	-1.06%

Hình 1

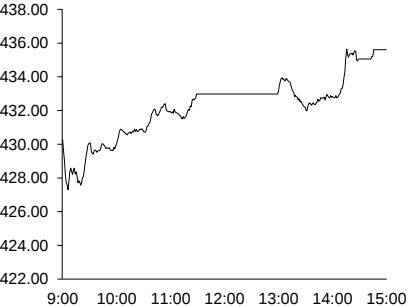
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Danh sách cổ phiếu khuyến nghị cho nhà đầu tư ngắn hạn

Thống kê các khuyến nghị chưa đóng vị thế

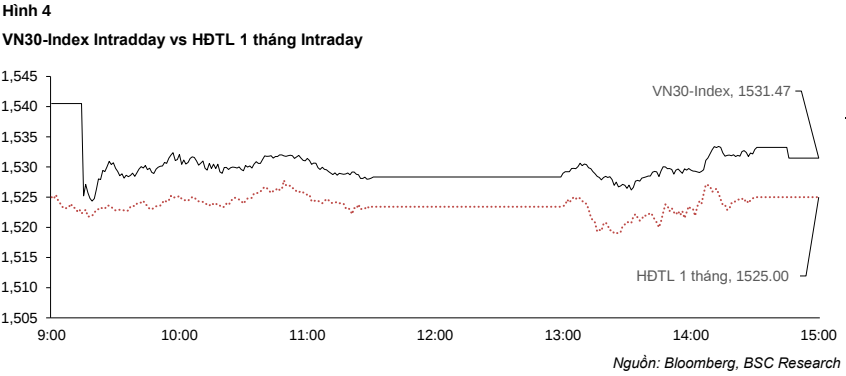
Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Giá hiện tại	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ	Khuyến nghị hiện tại
2/17/2022	DGC	147	160	141.5	151.2	1	2.86%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/16/2022	LCG	20.3	23.2	19.3	20.5	2	0.99%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/15/2022	PAC	38.5	41.25	36.5	36.9	3	-4.16%	Có thể tiếp tục mua
2/14/2022	ASM	16.1	18	15	17.6	4	9.32%	Cân nhắc không mua thêm (**)
2/10/2022	TVS	47.7	55.3	43.5	49	8	2.73%	Có thể giữ nguyên vị thế
2/8/2022	HPG	45.55	55	42	47.05	10	3.29%	Có thể tiếp tục mua
1/28/2022	MBS	32.5	38	31.9	35.3	21	8.62%	Có thể giữ nguyên vị thế
1/25/2022	GAS	109.5	121	106	117	24	6.85%	Có thể tiếp tục mua
1/19/2022	PHR	79.1	95.1	74	81	30	2.40%	Có thể giữ nguyên vị thế
12/31/2021	PNJ	96	110.2	90.6	107	49	11.46%	Cân nhắc không mua thêm (**)
Chú thích:		(*) Trạng thái kỹ thuật không tốt				(**) Tiềm cận giá mục tiêu		

Thống kê các khuyến nghị đã đóng vị thế

Ngày ra báo cáo	Mã CK	Giá ngày ra báo cáo	Giá chốt lời	Giá cắt lỗ	Trạng thái	Số ngày nắm giữ	Lãi / Lỗ
2/9/2022	SMC	40.35	47.2	38.5	SL	5	-4.58%
2/7/2022	GMD	46	52	43.75	TP	11	13.04%
1/27/2022	HDG	60.1	67	58	TP	22	11.48%
1/21/2022	DBC	76.5	89.5	72	SL	6	-5.88%
1/20/2022	LCG	20.8	25	19	SL	6	-8.65%
1/18/2022	PLC	46	59.4	45	SL	9	-2.17%
1/17/2022	HVN	22.9	26	22	TP	21	13.54%
1/14/2022	NBC	17.4	19.7	16.5	SL	4	-5.17%
1/13/2022	EVE	18.3	20	17.55	SL	4	-4.10%
1/12/2022	TID	61.9	75.3	57.5	SL	5	-7.11%
1/11/2022	APC	29.95	35	28.3	SL	6	-5.51%
1/7/2022	PHC	18.3	21.3	17.7	SL	6	-3.28%
Chú thích: Thống kê 15 mã đóng vị thế gần nhất				TP - Đã chốt lời SL - Đã cắt lỗ		FS - Đóng vị thế sớm	

Thống kê	Số khuyến nghị lãi	Số khuyến nghị lỗ	Hiệu suất lãi	Hiệu suất lỗ	Hiệu suất bình quân	Năm giữ bình quân
Cổ phiếu chưa chốt	9	1	3.57%	-4.16%	4.43%	17
Cổ phiếu đã chốt	232	176	7.88%	-7.38%	5.08%	24

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4

Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Basis	%KL	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F2202	1540.50	1.28%	9.03	-14.0%	132,651	2/17/2022	0
VN30F2203	1525.00	-0.33%	-6.47	674.1%	133,830	3/17/2022	27
VN30F2206	1509.00	-0.53%	-22.47	-94.7%	1	6/16/2022	118
VN30F2209	1513.00	0.13%	-18.47	-14.3%	18	9/15/2022	209

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 giảm -9.04 điểm xuống 1531.47 điểm. Các cổ phiếu như TCB, VPB, MBB, VHM, ACB, STB đã tác động tiêu cực đến vận động của VN30. Xu hướng vận động trong phiên giao dịch hôm nay tiếp tục củng cố nhịp tích lũy trong vùng 1500-1550 điểm.

- Các HĐTL đều giảm điểm theo nhịp vận động của chỉ số VN30 trừ VN30F2209. Xét về KLGD, hai HĐ VN30F2206 và VN30F2209 giảm, VN30F2203 tăng. Xét về vị thế mở, các HĐ đều tăng. Điểm số giảm và lượng hợp đồng mở tăng mạnh cho thấy xu hướng short mạnh. Các nhà đầu tư có thể xem xét bán HD ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết*	Price/ Value	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMSN2110	4/8/2022	49	9.987:1	587,300	36.85%	2,200	2,490	8.26%	2,384	1.04	142,299	142,000	163,300
CMSN2104	5/4/2022	75	9.987:1	774,800	36.85%	5,200	4,800	7.87%	4,685	1.02	118,110	0	163,300
CHPG2203	9/20/2022	214	4:1	585,700	32.91%	2,200	1,890	3.85%	868	2.18	54,260	51,500	47,050
CHPG2202	9/21/2022	215	10:1	965,600	32.91%	1,100	810	3.85%	277	2.93	62,638	53,888	47,050
CHPG2201	10/21/2022	245	10:1	989,700	32.91%	1,300	1,040	2.97%	459	2.27	62,166	49,666	47,050
CHPG2201	10/21/2022	245	10:1	989,700	32.91%	1,300	1,040	2.97%	459	2.27	62,166	49,666	47,050
CTPB2201	9/20/2022	214	4:1	452,700	42.04%	1,800	1,760	-0.56%	1,303	1.35	44,080	42,000	40,800
CTCB2105	5/4/2022	75	5:1	529,800	32.21%	3,600	2,160	-1.37%	1,523	1.42	56,458	45,000	51,600
CNVL2201	10/5/2022	229	20:1	1,148,100	26.43%	1,100	660	-1.49%	123	5.39	117,086	93,979	78,500
CNVL2201	10/5/2022	229	20:1	1,148,100	26.43%	1,100	660	-1.49%	123	5.39	117,086	93,979	78,500
CSTB2202	9/20/2022	214	2:1	353,000	39.37%	2,700	4,120	-1.90%	3,238	1.27	63,420	29,500	33,350
CSTB2201	9/21/2022	215	5:1	583,800	39.37%	1,500	1,810	-3.21%	1,254	1.44	51,928	29,888	33,350
CVRE2109	3/7/2022	17	4:1	904,300	38.58%	1,100	1,280	-4.48%	1,173	1.09	81,900	29,000	33,600
CVHM2113	7/1/2022	133	5:1	572,700	29.29%	3,270	1,330	-5.00%	508	2.62	91,450	90,000	79,700
CMBB2107	4/8/2022	49	2:1	497,800	32.15%	2,200	2,270	-5.02%	1,652	1.37	55,040	30,000	32,650
CVRE2110	4/27/2022	68	8:1	987,500	38.58%	1,000	770	-7.23%	572	1.35	48,719	29,999	33,600
CACB2102	7/1/2022	133	2:1	462,300	31.53%	2,900	2,010	-7.80%	1,161	1.73	38,360	35,000	33,850
CSTB2109	3/7/2022	17	2:1	657,700	39.37%	2,300	2,390	-8.78%	2,227	1.07	40,040	29,000	33,350
CVRE2113	5/4/2022	75	4:1	1,019,200	38.58%	1,400	880	-10.20%	471	1.87	41,699	34,999	33,600
CMBB2108	3/1/2022	11	2:1	573,400	32.15%	1,880	1,360	-14.47%	1,357	1.00	45,000	30,000	32,650
Tổng				14,195,900	34.58%**								
Chú thích:				Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi				
				Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn				
				**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes				

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 18/02/2022, phần lớn các chứng quyền giảm theo xu hướng vận động của cổ phiếu cơ sở.

- CACB2102 và CVJC2103 có mức tăng trưởng tốt nhất, lần lượt 138.15% và 26.21%. Giá trị giao dịch tăng lên 15.79%. CMSN2104 có giá trị giao dịch nhiều nhất, chiếm 9.95% thị trường.

- CVIC2106, CMWG2114, CMWG2108, và CPDR2103 là những chứng quyền có giá trị gần nhất với giá lý thuyết. CMWG2104, CSTB2202, CMBB2201 và CSTB2112 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. CMWG2104, CMSN2104 và CMSN2107 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tình trạng lãi.

Danh mục cổ phiếu đầu ngành

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	134.0	-0.4%	0.8	4,153	2.7	6,936	19.3	4.7	49.0%	27.3%
PNJ	Bán lẻ	107.0	-0.8%	1.0	1,058	2.7	4,543	23.6	4.0	47.6%	18.3%
BVH	Bảo hiểm	57.3	0.7%	1.4	1,849	2.1	2,501	22.9	2.0	26.4%	9.0%
PVI	Bảo hiểm	48.8	-0.2%	0.5	497	0.2	3,543	13.8	1.5	57.8%	10.9%
VIC	Bất động sản	82.2	-1.1%	0.7	13,631	10.4	(759)	N/A	2.7	13.0%	-3.1%
VRE	Bất động sản	33.6	-2.5%	1.1	3,320	9.1	578	58.1	2.5	30.1%	4.4%
VHM	Bất động sản	79.7	-1.4%	1.1	15,089	11.7	9,048	8.8	2.7	23.8%	36.4%
DXG	Bất động sản	38.9	2.1%	1.3	1,008	19.5	1,941		2.6	29.1%	15.5%
SSI	Chứng khoán	45.2	0.4%	1.5	1,931	18.4	2,768	16.3	3.1	39.1%	22.5%
VCI	Chứng khoán	60.5	2.4%	1.0	876	7.7	4,512	13.4	3.1	20.4%	27.1%
HCM	Chứng khoán	37.8	1.9%	1.5	751	7.5	2,805	13.5	2.4	44.1%	19.5%
FPT	Công nghệ	92.2	-0.6%	0.9	3,638	2.5	4,354	21.2	4.7	49.0%	25.7%
FOX	Công nghệ	73.0	-0.7%	0.4	1,042	0.0	4,304	17.0	5.1	0.0%	30.0%
GAS	Dầu khí	117.0	-1.4%	1.3	9,736	3.7	4,381	26.7	4.4	2.9%	17.4%
PLX	Dầu khí	59.8	-0.3%	1.5	3,304	4.6	2,337	25.6	3.0	17.2%	12.3%
PVS	Dầu khí	29.0	-0.7%	1.7	603	7.9	1,260	23.0	1.2	9.2%	5.0%
BSR	Dầu khí	26.4	0.0%	0.8	3,559	8.4	(909)		2.6	41.1%	-8.7%
DHG	Dược	108.9	6.9%	0.4	619	0.5	5,720	19.0	3.8	54.3%	20.3%
DPM	Hóa chất	49.1	2.3%	0.8	835	14.2	7,914	6.2	1.8	8.9%	33.5%
DCM	Hóa chất	30.7	0.7%	0.7	707	5.4	3,313	9.3	2.1	5.8%	25.3%
VCB	Ngân hàng	87.2	-0.3%	1.1	17,942	4.0	5,005	17.4	3.7	23.7%	21.4%
BID	Ngân hàng	44.7	-2.8%	1.3	9,831	5.9	2,090	21.4	2.7	16.9%	13.2%
CTG	Ngân hàng	34.6	-0.9%	1.3	7,230	12.5	2,940	11.8	1.8	26.0%	15.9%
VPB	Ngân hàng	35.9	-1.1%	1.2	6,939	15.1	2,667	13.5	2.0	15.2%	18.0%
MBB	Ngân hàng	32.7	-1.7%	1.2	5,364	17.8	3,362	9.7	2.1	23.2%	23.6%
ACB	Ngân hàng	33.9	-1.3%	1.0	3,977	10.8	3,554	9.5	2.0	30.0%	23.9%
BMP	Nhựa	61.5	3.7%	0.7	219	0.5	2,618	23.5	2.2	85.0%	9.0%
NTP	Nhựa	64.5	-1.1%	0.4	330	0.4	3,951	16.3	2.8	17.9%	17.6%
MSR	Tài nguyên	25.4	0.8%	0.8	1,214	0.6	39	651.3	2.0	10.1%	0.3%
HPG	Thép	47.1	1.2%	1.1	9,150	43.8	7,708	6.1	2.3	23.3%	46.1%
HSG	Thép	37.3	1.8%	1.4	799	15.9	8,581	4.3	1.6	6.9%	45.9%
VNM	Tiêu dùng	80.6	-0.2%	0.6	7,324	6.3	4,518	17.8	5.1	54.5%	29.3%
SAB	Tiêu dùng	169.4	-0.6%	0.8	4,723	1.4	5,663	29.9	5.1	62.6%	17.9%
MSN	Tiêu dùng	163.3	0.2%	0.9	8,382	8.3	7,257	22.5	5.9	28.7%	35.1%
SBT	Tiêu dùng	22.9	-0.4%	1.3	626	3.2	1,097	20.9	1.7	7.1%	7.8%
ACV	Vận tải	96.4	0.5%	0.8	9,124	0.7	577	167.1	5.6	3.7%	3.4%
VJC	Vận tải	149.0	5.2%	1.1	3,509	8.9	2,271		4.8	16.5%	7.7%
HVN	Vận tải	27.3	1.9%	1.7	2,628	7.7	(6,523)		25.3	6.0%	-267.4%
GMD	Vận tải	51.9	1.4%	1.0	680	7.7	1,846	28.1	2.5	42.5%	9.1%
PVT	Vận tải	22.9	-0.7%	1.4	322	1.5	2,066	11.1	1.4	12.5%	13.3%
VCS	Vật liệu xây dựng	107.6	-1.5%	0.8	749	1.0	10,538	10.2	3.5	3.9%	40.6%
VGC	Vật liệu xây dựng	56.5	3.7%	0.5	1,101	6.2	2,738	20.6	3.6	3.9%	18.2%
HT1	Vật liệu xây dựng	21.8	0.7%	0.9	361	0.8	969	22.4	1.6	2.0%	7.0%
CTD	Xây dựng	94.0	-1.1%	1.1	302	1.2	310	302.7	0.8	47.2%	0.3%
CII	Xây dựng	31.2	6.8%	0.8	324	14.1	(1,434)	N/A	1.5	11.2%	-7.1%
REE	Điện	72.5	1.4%	-1.4	974	2.8	6,001	12.1	1.7	49.0%	15.0%
PC1	Điện	37.7	5.2%	-0.4	385	3.6	2,997	12.6	1.9	4.8%	15.9%
POW	Điện	18.6	-0.3%	0.6	1,889	15.1	759	24.4	1.5	2.6%	6.1%
NT2	Điện	24.2	0.2%	0.6	302	0.3	1,778	13.6	1.6	14.1%	12.0%
KBC	Khu công nghiệp	58.5	0.0%	1.2	1,449	20.4	1,593	36.7	2.4	17.6%	6.7%
BCM	Khu công nghiệp	83.7	-1%	1.1	3,767	1.5			5.5	2.5%	

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VJC	149.00	5.23	1.03	1.42MLN
DIG	91.50	6.77	0.74	5.54MLN
HPG	47.05	1.18	0.63	21.38MLN
HVN	27.30	1.87	0.28	6.50MLN
DHG	108.90	6.87	0.24	98300

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index				
CK	Giá	7/4/20	Index pt	KLGD
BID	0.00	-1.34	3.00MLN	1.11MLN
VHM	0.00	-1.23	3.37MLN	607060
VIC	0.00	-0.88	2.91MLN	373600
GAS	0.00	-0.84	732400	192700
TCB	0.00	-0.54	6.54MLN	611640

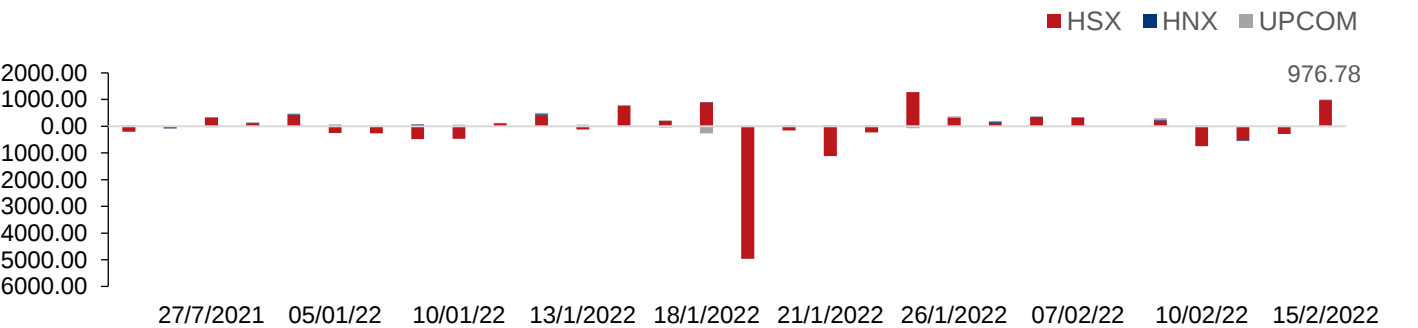
Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
FRT	102.50	6.99	0.14	1.78MLN
DAH	12.30	6.96	0.01	6.64MLN
PTC	69.20	6.96	0.02	1.29MLN
DBT	15.50	6.90	0.00	287100
DPG	65.10	6.90	0.07	1.08MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX				
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VAF	13.20	-5.38	-0.01	100
HU1	12.75	-5.20	0.00	100
DTT	13.30	-5.00	0.00	300.00
TDC	25.00	-4.40	-0.03	2.35MLN
LBM	85.80	-4.35	-0.01	800

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh mục khuyến nghị đầu tư dài hạn

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tài báo cáo
1	AGG	Bất động sản	Mua	19/05/21	62.1	N/A	#N/A	#N/A	#N/A	#N/A	Click
2	ANV	Thủy sản	Mua	27/06/21	32.4	38.7	34.7	1,267	27.4	1.8	Click
3	BMI	Bảo hiểm	Mua	8/2/22	36.8	45.0	39.0	1,968	19.8	1.9	Click
4	BSR	Dầu khí	Mua	4/11/21	24.5	28.4	26.4	-909	#N/A N/A	2.6	Click
5	CEO	Bất động sản	Theo dõi	7/6/21	10.8	N/A	71.5	362	197.5	6.1	Click
6	CTD	Xây dựng	Mua	6/12/21	77.0	97.9	94.0	310	302.7	0.8	Click
7	DBC	Tiêu dùng bán lẻ	Theo dõi	16/9/21	62.9	69.6	76.9	7,200	10.7	1.9	Click
8	DCM	Bán lẻ	Mua	1/4/21	17.5	21.1	30.7	3,313	9.3	2.1	Click
9	DGC	Hóa chất	Mua	27/7/21	96.5	115.0	151.2	13,121	11.5	4.3	Click
10	DPG	Bất động sản	KQ	10/6/21	39.3	N/A	65.1	5,715	11.4	3.0	Click
11	DRC	Săm lốp	Mua	18/5/21	26.2	32.8	31.5	2,450	12.8	2.1	Click
12	DXG	Bất động sản	Mua	10/5/21	23.4	30.2	38.9	1,941	20.0	2.6	Click
13	ELC	CNTT	Mua	2/11/21	28.5	33.1	23.5	949	24.8	1.4	Click
14	EVE	Dệt may	Mua	1/12/21	18.4	N/A	15.7	1,454	10.8	0.7	Click
15	FPT	CNTT	KQ	18/8/21	93.8	107.0	92.2	4,354	21.2	4.7	Click
16	GAS	Dầu khí	Mua	12/1/22	103.3	130.0	117.0	4,381	26.7	4.4	Click
17	GAS	Dầu khí	Mua	6/9/21	90.4	109.4	117.0	4,381	26.7	4.4	Click
18	HAX	Ô tô	Mua	23/12/21	29.1	37.0	33.1	3,134	10.5	2.3	Click
19	HPG	VLXD	Mua	25/5/21	65.4	76.5	47.1	7,708	6.1	2.3	Click
20	HSG	VLXD	Theo dõi	14/5/21	37.4	47.8	37.3	8,581	4.3	1.6	Click
21	HUT	XD-BDS	Theo dõi	20/5/21	6.5	7.6	23.2	157	148.0	2.1	Click
22	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.6	1,520	12.2	0.9	Click
23	ITC	Bất động sản	Mua	29/11/21	22.4	27.4	18.6	1,520	12.2	0.9	Click
24	ITD	CNTT	Mua	17/9/21	20.8	28.1	15.6	689	22.6	1.2	Click
25	KDH	Bất động sản	Theo dõi	31/8/21	39.8	N/A	54.0	1,833	29.5	3.4	Click
26	LHG	BDS khu CN	Theo dõi	22/7/21	49.2	55.7	53.4	5,898	9.1	1.8	Click
27	MSH	Dệt may	Mua	13/5/21	50.6	66.4	78.5	8,820	8.9	2.8	Click
28	MWG	Bán lẻ	Mua	23/11/21	138.6	154.4	134.0	6,936	19.3	4.7	Click
29	NKG	Thép	Nắm giữ	1/9/21	39.5	46.5	41.4	10,793	3.8	1.6	Click
30	NLG	Bất động sản	KQ	11/11/21	61.2	66.5	55.2	3,181	17.4	2.4	Click
31	NT2	Điện	Theo dõi	9/9/21	21.7	24.7	24.2	1,778	13.6	1.6	Click
32	PC1	Điện	Mua	7/6/21	26.8	32.8	37.7	2,997	12.6	1.9	Click
33	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	4,543	23.6	4.0	Click
34	PNJ	Bán lẻ	Mua	25/11/21	105.7	126.1	107.0	4,543	23.6	4.0	Click
35	POW	Điện	Theo dõi	18/5/21	12.0	13.8	18.6	759	24.4	1.5	Click
36	PVI	Bảo hiểm	Mua	7/2/22	49.2	59.3	48.8	3,543	13.8	1.5	Click
37	PVS	Dầu khí	Mua	13/1/22	28.5	36.0	29.0	1,260	23.0	1.2	Click
38	SGP	Cảng biển	Mua	13/7/21	21.1	25.0	36.5	1,064	34.3	3.7	Click
39	SMC	Bán lẻ	Mua	13/5/21	39.6	48.6	39.8	14,369	2.8	1.0	Click
40	SZC	BDS khu CN	Mua	23/11/21	50.0	62.7	78.6	3,013	26.1	5.4	Click
41	TCD	Xây dựng	Mua	29/11/21	32.3	40.0	25.7	2,375	10.8	3.6	Click
42	VGI	Dệt may	Theo dõi	21/5/21	16.8	19.0	26.3	570	46.1	2.1	Click
43	VHC	Thủy sản	Mua	29/10/21	62.5	80.1	76.0	6,052	12.6	2.4	Click
44	VNM	Tiêu dùng bán lẻ	Mua	19/8/21	90.0	105.6	80.6	4,518	17.8	5.1	Click
45	VRE	Bất động sản	Theo dõi	16/8/21	28.1	34.1	33.6	578	58.1	2.5	Click
46	VSC	Cảng biển	Mua	10/9/21	63.8	77.0	43.0	3499.1	12.3	1.8	Click
47	VSH	Điện	Mua	30/9/21	27.7	35.0	28.5	1,646	17.3	1.7	Click

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	Cơ hội từ Đầu tư công	x		Click
2	Vĩ Mô Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
3	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2022_20220113	x		Click
4	Ngành Phân bón_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
5	Vĩ Mô Thị trường Tháng 11.2021	x		Click
6	Ngành Ngân hàng_Cập nhật KQKD 9T/2021		x	Click
7	Chuyển dịch hàng hóa CN nặng & Cơ hội TTCK	x		Click
8	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2021		x	Click
9	Vĩ Mô Thị trường Tháng 10.2021	x		Click
10	Cơ hội sau giãn cách xã hội	x		Click
11	Vĩ mô Thị trường Quý III 2021	x		Click
12	Vĩ mô & Thị trường Tháng 8.2021	x		Click
13	Quan hệ thương mại và đầu tư của Hoa Kỳ và Việt Nam	x		Click
14	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2021		x	Click
15	Vĩ mô & Thị trường Tháng 7.2021	x		Click
16	Covid làn sóng thứ 4	x		Click
17	Vĩ mô & Thị trường Quý 2.2021	x		Click
18	Vĩ mô & Thị trường Tháng 5.2021	x		Click
19	XU HƯỚNG GIÁ HÀNG HÓA THẾ GIỚI	x		Click
20	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2021		x	Click
21	Vĩ mô & Thị trường Tháng 4.2021	x		Click
22	Triển vọng ngành Dệt May 2021		x	Click
23	Vĩ mô & Thị trường Quý 1.2021	x		Click
24	Triển vọng ngành dầu khí 2021		x	Click
25	Vĩ mô & Thị trường Tháng 2.2021	x		Click
26	Banking Sector Outlook		x	Click
27	Báo cáo cập nhật kết quả kinh doanh 2020		x	Click
28	Vĩ mô & Thị trường Tháng 1.2021	x		Click
29	Vietnam Sector Outlook 2021		x	Click
30	Vietnam Macro Market Outlook 2021	x		Click
31	Triển vọng ngành tiêu dùng bán lẻ 2021		x	Click
32	Cơ hội từ đẩy mạnh giải ngân đầu tư công	x		Click
33	Vĩ mô & Thị trường Tháng 11.2020	x		Click
34	Triển vọng ngành khu công nghiệp 2021		x	Click
35	Vietnam Sector Outlook 4Q2020		x	Click
36	Triển vọng ngành Bất động sản 2021		x	Click
37	Luật VAT Sửa đổi cho ngành phân bón		x	Click
38	Vĩ mô & Thị trường Tháng 10.2020	x		Click
39	Bầu cử Hoa Kỳ 2020	x		Click
40	Fishery Outlook 2021		x	Click
41	Cơ hội thu hút dòng tiền của Việt Nam sau MSCI Review	x		Click
42	Báo cáo Triển vọng ngành thép 2020		x	Click
43	Vĩ mô Thị trường quý 3.2020	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>
Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với Phân tích Nghiên cứu
Phòng Phân tích Nghiên cứu
hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức
Phòng TVĐT và môi giới KHTC
hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân
Trung tâm tư vấn i-Center
i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639